

Tại sao Trung Quốc phản ứng khác biệt với Philippines và Việt Nam ở Biển Đông?

Nguồn: Andrew Taffer, "[The Puzzle of Chinese Escalation vs Restraint in the South China Sea](#)," *War on the rocks*, 26/07/2024

Biên dịch: Nguyễn Thị Kim Phụng

08/8/2024



Căng thẳng giữa Trung Quốc và Philippines đã leo thang đáng kể trong những tháng gần đây xung quanh Bãi Cỏ Mây, một rạn san hô chìm nằm ở phía đông Quần đảo Trường Sa. Lực lượng Hải cảnh Trung Quốc đã nhiều lần cố gắng ngăn chặn việc cung cấp thực phẩm, nước uống, và vật tư xây dựng cho lực lượng thủy quân lục chiến Philippines đóng trên tàu BRP Sierra Madre, một tàu chiến thời Thế chiến II đã neo đậu ở bãi cạn này kể từ năm 1999. Trong ít nhất hai sự cố kể từ tháng 3, các biện pháp cưỡng bức của phía Trung Quốc đã khiến thủy thủ Philippines bị thương. Nguy cơ leo thang là rất nghiêm trọng. Mỹ cho biết nghĩa vụ phòng thủ của họ theo Hiệp ước Phòng thủ Chung mở rộng “đến các cuộc tấn công vũ trang vào lực lượng vũ trang, tàu công, hoặc máy bay của Philippines – bao gồm cả lực lượng Hải cảnh của nước này – ở bất kỳ đâu trên Biển Đông.”

Tuy nhiên, dù đang leo thang với Philippines ở mức độ chưa từng có xung quanh Bãi Cỏ Mây, Trung Quốc lại thể hiện sự kiềm chế đáng chú ý khi Việt Nam mở rộng các tiền đồn ở Biển Đông với quy mô lớn hơn và mang tính quân sự hơn nhiều. Chưa có ghi nhận nào về việc Trung Quốc sử dụng lực lượng bán quân sự hoặc quân sự để cản trở hoạt động cải tạo đất của Việt Nam ở Quần đảo Trường Sa. Như Zack Cooper và Greg Poling gần đây đã lưu ý, thái độ hung hăng của Trung Quốc đối với Philippines và kiềm chế đối với Việt Nam đặc biệt khó hiểu vì Philippines là đồng minh hiệp ước của Mỹ, trong khi Việt Nam thì không. Liên minh với các cường quốc vốn là để ngăn chặn chứ không phải mời gọi xâm lược. Đây là vấn đề cần được xem xét kỹ lưỡng, và không chỉ để làm sáng tỏ bản chất chiến lược của Trung Quốc tại một trong những điểm nóng hàng đầu thế giới. Việc giải mã logic đằng sau hành vi của Trung Quốc

cũng có ý nghĩa trực tiếp đối với việc làm thế nào Mỹ và các đồng minh có thể bảo vệ tốt nhất lợi ích của họ ở Biển Đông và xa hơn nữa.

Có một số cách giải thích tiềm năng cho hành vi của Trung Quốc. Dưới đây tôi mô tả năm khả năng, mỗi khả năng đều bắt nguồn từ một cách giải thích tổng quát hơn về hành vi của Trung Quốc ở Biển Đông. Dù một vài giả định trong số này đã thể hiện các yếu tố quan trọng trong chiến lược của Trung Quốc, nhưng không giả định nào có thể giải thích thỏa đáng sự khác biệt trong cách hành xử của Bắc Kinh như đã nêu ở trên. Vì vậy, tôi sẽ đưa ra thêm một cách giải thích khác, bắt nguồn từ cách các nhà lãnh đạo Trung Quốc nhận thức các tranh chấp ở Biển Đông và những tình thế lưỡng nan mà chúng đặt ra. Cách hành xử của Bắc Kinh đối với Philippines và Việt Nam khác nhau vì Manila và Hà Nội có năng lực khác nhau trong việc áp đặt tổn thất chiến lược lên Bắc Kinh. So với Philippines, Việt Nam có năng lực lớn hơn trong việc áp đặt những tổn thất như vậy lên Trung Quốc. Nghịch lý thay, liên minh của Manila với Washington lại hạn chế khả năng áp đặt những tổn thất đó, trong khi vị thế không liên kết của Việt Nam lại làm tăng khả năng áp đặt tổn thất của nước này.

Năm khả năng

Cách giải thích đầu tiên tập trung vào lợi ích của Trung Quốc trong việc ngăn chặn các đối thủ của mình thực hiện hành động tập thể chống lại nước này. Cái gọi là chiến lược “chia để trị” này giả định rằng Bắc Kinh đang sử dụng sự kết hợp giữa củ cà rốt và cây gậy để gây chia rẽ giữa các đối thủ, nhằm tiêu diệt mọi triển vọng hành động tập thể giữa họ. Theo quan điểm này, sự kiềm chế của Trung Quốc đối với Việt Nam có thể là kết quả từ sự bế tắc đang diễn ra với Manila tại Bãi Cỏ Mây và nhằm tránh tạo ra một cuộc khủng hoảng khác với một đối thủ khác cùng lúc.

Dù Bắc Kinh chắc chắn có lợi ích trong việc ngăn chặn hoặc trì hoãn sự xuất hiện của một hành động phản kháng tập thể từ các đối thủ của họ, nhưng đây là một lời giải thích không thỏa đáng. Trung Quốc đã hành động mang tính cưỡng bức xung quanh BRP Sierra Madre từ hơn 10 năm trước và đến nay đã thường xuyên leo thang đồng thời với Việt Nam (và các đối thủ khác ở Biển Đông). Quan trọng hơn, ngay cả khi lo ngại về việc Manila và Hà Nội hình thành một mặt trận thống nhất đã góp phần khiến Bắc Kinh tỏ ra kiềm chế đối với Hà Nội, thì lời giải thích này vẫn không thể cho chúng ta biết lý do tại sao Bắc Kinh quyết định tiếp tục phản đối việc Philippines củng cố tiền đồn, thay vì thách thức việc Việt Nam cải tạo đất và kiềm chế hơn với Manila – vốn là một sự kết hợp chính sách cũng có tác dụng tương tự.

Cách giải thích thứ hai tập trung vào lợi ích của Trung Quốc trong việc duy trì “vùng xám” và tránh chiến tranh ở Biển Đông. Tất nhiên, Bắc Kinh đã cố gắng hết sức để thúc đẩy các yêu sách ở Biển Đông nhưng tránh để xảy ra xung đột vũ trang. Theo quan điểm này, sự khác biệt trong phản ứng của Bắc Kinh đối với các hành động củng cố tiền đồn của Philippines và Việt Nam có thể được giải thích dựa trên xu hướng leo thang tương ứng của họ. Trong khi Việt Nam có lịch sử chống lại thái độ hung hăng của Trung Quốc thì Manila lại không như vậy. Các nhà phân tích Trung Quốc cho rằng sự kiềm chế của Manila phần lớn là do Washington không sẵn

lòng cho phép đồng minh của mình mạo hiểm với những rủi ro có khả năng dẫn đến các cam kết phòng thủ chung. Các nhà phân tích Trung Quốc lập luận rằng Mỹ đang tìm cách “can thiệp nhưng tránh để bị mắc kẹt” vào các tranh chấp ở Biển Đông.

Dù lời giải thích này cũng thể hiện được một yếu tố quan trọng trong chiến lược của Trung Quốc, nhưng nó lại làm lu mờ những động cơ sâu xa hơn của chiến lược đó. Cụ thể, nó đặt ra những câu hỏi sau đây: Tại sao Bắc Kinh lại muốn ở trong vùng xám và tại sao họ lại quan ngại đến khả năng leo thang của Việt Nam? Trung Quốc đã từng sử dụng lực lượng quân sự ở Biển Đông trước đây, kể cả trong thời kỳ hậu Mao, và đối thủ của họ chính là Hà Nội. Nếu xung đột xảy ra hôm nay, Trung Quốc sẽ nhanh chóng dập tắt sự kháng cự của Việt Nam, như họ đã làm vào năm 1974 ở quần đảo Hoàng Sa và năm 1988 ở phía tây Quần đảo Trường Sa. Như sẽ lập luận dưới đây, không phải nguy cơ leo thang – thậm chí là khả năng xảy ra chiến tranh với Hà Nội – đã tạo ra sự kiềm chế ở Bắc Kinh. Nhưng là những hậu quả tiềm tàng ở cấp độ thứ hai của một cuộc xung đột như vậy.

Cách giải thích thứ ba tập trung vào quan hệ chính trị chặt chẽ giữa Trung Quốc và Việt Nam. Dù không tin tưởng lẫn nhau, cả hai bên đều được điều hành bởi các đảng cộng sản có nhiều điểm chung. Họ đoàn kết trong quyết tâm chung nhằm bảo vệ sự độc quyền về quyền lực chính trị của đảng của họ, và cả hai đều bị đe dọa nghiêm trọng bởi việc thúc đẩy dân chủ và nhân quyền của Washington. Họ cũng quyết tâm không để quan hệ song phương xấu đi như đã từng xảy ra vào cuối thập niên 1970, và họ đã xây dựng một mạng lưới quan hệ giữa hai chính phủ và hai đảng chưa từng có để giúp củng cố quan hệ đó. Theo quan điểm này, sự kiềm chế của Trung Quốc đối với việc cải tạo đất của Việt Nam có thể phản ánh lợi ích của nước này trong việc duy trì quan hệ lành mạnh với Hà Nội. Bắc Kinh có lẽ sẽ giải quyết nhẹ nhàng các tranh chấp hiện nay, vì tân chủ tịch nước của Việt Nam dường như đặc biệt tôn trọng Bắc Kinh.

Trong khi quan hệ của Trung Quốc với Hà Nội là độc nhất trong số các đối thủ ở Biển Đông, các liên hệ chính trị chặt chẽ giữa hai nước có thể – và thường – đi theo hướng khác. Tự tin rằng quan hệ chính trị với Hà Nội sẽ giúp nước này quản lý leo thang và tránh phải trả giá đắt, Trung Quốc đã thường xuyên leo thang căng thẳng với Việt Nam ở Biển Đông trong suốt 20 năm qua. Nhưng lời giải thích này đã không thể làm sáng tỏ lý do tại sao Bắc Kinh lại kiềm chế khi đối mặt với việc Việt Nam mở rộng và củng cố quy mô lớn các tiền đồn ở Biển Đông.

Cách giải thích thứ tư xoay quanh nhận thức của Trung Quốc về mối đe dọa liên quan đến liên minh Mỹ-Philippines. Kể từ cuối những năm 1990, các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã cho rằng Mỹ đang sử dụng các đồng minh của mình làm trụ cột cho một liên minh chống Trung Quốc nhằm ngăn cản sự trỗi dậy của Bắc Kinh. Rõ ràng quan điểm này đã được ủng hộ hơn trong những năm gần đây. Các nhà phân tích và các kênh truyền thông do nhà nước Trung Quốc kiểm soát thường cho rằng Washington đang lợi dụng các tranh chấp ngoài khơi của Philippines và Nhật Bản với Trung Quốc để thúc đẩy các ý định chiến lược thù địch đối với Bắc Kinh. Theo quan điểm này, liên minh của Manila với Washington có thể khiến hành vi của nước này ở Biển Đông trở thành mối đe dọa đối với Bắc Kinh nhiều hơn so với một Việt Nam không liên kết.

Chắc chắn là các nhà lãnh đạo Trung Quốc tin rằng liên minh Mỹ-Philippines mang tính đe dọa. Tuy nhiên, điều đó vẫn không thể giải thích cách tiếp cận khác nhau của Trung Quốc đối với những nỗ lực của Philippines và Việt Nam nhằm củng cố sự chiếm đóng của họ ở Biển Đông. Về cơ bản, thật khó tin khi cho rằng sự hiện diện của Philippines trên một con tàu đang mục nát là đặc biệt đe dọa. Tuy nhiên, ngay cả khi chúng ta chấp nhận tiền đề rằng hành vi của Trung Quốc là do lo ngại liên minh Mỹ-Philippines, thì Bắc Kinh sẽ không tập trung nỗ lực cường chế vào những tiền đồn dễ bị tổn thương nhất của Manila. Thay vào đó, họ sẽ tập trung vào một trong tám tiền đồn lớn hơn của Manila, một số trong số đó đã được mở rộng trong những năm gần đây và tất cả đều có giá trị quân sự cao hơn. Ngoài ra, bất kể Washington được hưởng lợi ra sao từ các tranh chấp ở Biển Đông, thì xét về mặt cân bằng, dường như sự hiện diện của Philippines trên Bãi Cỏ Mây là một gánh nặng – chứ không phải một lợi thế – đối với người Mỹ. Như các nhà phân tích Trung Quốc đã chỉ ra một cách chính xác, Mỹ không muốn bị lôi kéo vào một cuộc xung đột vũ trang ở Biển Đông, và nhất là không phải một xung đột về một rạn san hô chìm, thậm chí còn không có tư cách pháp lý của một bãi đá.

Cách giải thích thứ năm cũng xoay quanh liên minh Mỹ-Philippines nhưng vì những lý do khác. Bởi vì Bắc Kinh xem liên minh này là mối đe dọa, một số nhà phân tích cho rằng Bắc Kinh đang nhắm vào Manila ở Biển Đông để gây chia rẽ quan hệ Mỹ-Philippines. Cách giải thích này cho rằng áp lực của Trung Quốc xung quanh Bãi Cỏ Mây sẽ phơi bày và làm trầm trọng thêm sự chia rẽ giữa Washington và Manila, theo đó làm suy yếu liên minh. Chuyên gia về Trung Quốc Robert Ross gần đây đã đưa ra một lập luận như vậy, cho rằng Bắc Kinh nhắm vào Manila không chỉ vì nước này là đối thủ đáng sợ hơn, mà vì nước này là mục tiêu hấp dẫn hơn. Mặt khác, việc Việt Nam thiếu liên minh với Mỹ có nghĩa là việc nhắm vào nước này mang lại ít lợi ích chiến lược hơn.

Lập luận này có vẻ hấp dẫn về mặt trực giác, nhưng dường như không có bất kỳ bằng chứng nào ủng hộ nó. Tất nhiên, Bắc Kinh sẽ rất vui nếu có thể làm suy yếu liên minh Mỹ-Philippines, nhưng cách hành xử của họ ở Biển Đông không nhằm mục đích đó. Suốt 30 năm qua, hết lần này đến lần khác, thái độ hung hăng của Bắc Kinh đối với Philippines đã củng cố chứ không làm suy yếu liên minh. Ngay cả khi họ có cơ hội làm suy yếu liên minh, như họ đã làm dưới thời chính quyền Rodrigo Duterte, thì các hành động cường bức của Trung Quốc ở Biển Đông đảm bảo rằng họ sẽ không thể làm được điều đó. Nếu họ quan tâm đến việc sử dụng các tranh chấp để làm suy yếu liên minh, thì họ đã thay đổi cách hành xử của mình rồi.

Như sẽ lưu ý dưới đây, sự tồn tại của liên minh Mỹ-Philippines – và việc Mỹ không có liên minh với Việt Nam – là những yếu tố chính hình thành cách tiếp cận của Trung Quốc với mỗi bên. Tuy nhiên, điều này không liên quan gì đến việc Bắc Kinh xem hành vi của Philippines là đặc biệt đe dọa, hoặc với việc nước này đang theo đuổi một chiến dịch gây chia rẽ. Đúng hơn, sự tồn tại của liên minh Mỹ-Philippines đã hạn chế khả năng của Manila trong việc áp đặt những cái giá chiến lược lên Bắc Kinh. Đây là hạn chế mà Việt Nam không mắc phải.

Duy quyền và Duy ổn

Chí ít là từ năm 2011, các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã xem chính sách của Bắc Kinh ở Biển Đông là nhằm cân bằng hai mục đích: *duy quyền* và *duy ổn*. Duy quyền đề cập đến lợi ích của Bắc Kinh trong việc bảo vệ và thúc đẩy các yêu sách trên biển của mình. Duy ổn đề cập đến lợi ích trong việc duy trì sự ổn định và rộng hơn là duy trì môi trường an ninh khu vực thuận lợi cho sự trỗi dậy của Trung Quốc. Một môi trường an ninh khu vực thuận lợi đòi hỏi phải duy trì quan hệ hữu nghị với các đối thủ Đông Nam Á và tránh đẩy họ vào cái mà Bắc Kinh xem là một liên minh thù địch do Mỹ dẫn đầu, vốn đang tìm cách ngăn cản sự trỗi dậy của Trung Quốc.

Lợi ích hàng hải và lãnh thổ (duy quyền) của Trung Quốc đang xung đột với lợi ích chiến lược rộng lớn hơn của nước này trong việc duy trì môi trường bên ngoài thuận lợi (duy ổn). Khi thúc đẩy các tuyên bố chủ quyền ở Biển Đông, nước này có nguy cơ gây bất ổn cho khu vực, khiến các đối thủ Đông Nam Á xa lánh và đẩy họ đến gần Washington hơn. Tuy nhiên, giống như cách các đối thủ của Trung Quốc có năng lực khác nhau trong việc áp đặt cái giá phải trả về lãnh thổ đối với nước này bằng cách gây tổn hại cho duy quyền, thì họ cũng có năng lực khác nhau trong việc áp đặt cái giá chiến lược bằng cách gây tổn hại cho duy ổn. Vì lý do này, cùng một hành vi leo thang nhằm vào các đối thủ khác nhau có thể gây ra những mức độ rủi ro chiến lược khác nhau. Trung Quốc có nhiều khả năng leo thang với đối thủ hơn nếu nước này có ít khả năng áp đặt những cái giá chiến lược lên Bắc Kinh. Và họ có nhiều khả năng sẽ kiềm chế trước các đối thủ có khả năng áp đặt cái giá chiến lược lớn hơn.

Khả năng đối thủ áp đặt cái giá chiến lược lên Bắc Kinh phần lớn phụ thuộc vào cái giá hiện tại mà đối thủ đang áp đặt lên Bắc Kinh. Cái giá mà đối thủ đang áp đặt càng cao, thì khả năng áp đặt cái giá bổ sung trong tương lai càng thấp. Có một số cách mà đối thủ có thể áp đặt cái giá chiến lược. Ví dụ, họ có thể áp đặt cái giá phải trả về danh tiếng, công khai chỉ trích Bắc Kinh là một mối đe dọa và tuyên truyền một câu chuyện đáng báo động về điều này trên toàn khu vực. Họ có thể áp đặt các hình phạt chính trị hoặc kinh tế đối với Bắc Kinh, từ đó làm tổn hại đến quan hệ song phương; họ thậm chí có thể chống lại các bước tiến của Trung Quốc bằng vũ lực, dẫn đến leo thang xung đột và bất ổn khu vực. Cuối cùng, và đặc biệt quan trọng đối với Philippines và Việt Nam, một đối thủ có thể thắt chặt quan hệ chiến lược với một cường quốc thù địch – chẳng hạn như Mỹ trong thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh – theo đó áp đặt “cái giá cân bằng” lên Bắc Kinh.

Một đối thủ thường xuyên áp đặt tổn thất uy tín lên Trung Quốc sẽ có ít khả năng để áp đặt cái giá đó trong tương lai, một đối thủ đã liên kết với một cường quốc thù địch sẽ có ít khả năng để áp đặt “cái giá cân bằng.” Nhưng một quốc gia không liên kết vẫn có khả năng thành lập một liên minh chính thức hoặc không chính thức mới với cường quốc, điều này sẽ tạo ra một sự thay đổi lớn về hiện trạng và gây ra tổn thất lớn cho Bắc Kinh. Một đối thủ đang ở trong liên minh vẫn có thể nâng cấp quan hệ, nhưng đây thường là một thay đổi nhỏ, với tổn thất không đáng kể. Do đó, Bắc Kinh sẽ không mất gì nhiều khi leo thang với một bên tranh chấp đối thủ đã liên kết với một cường quốc thù địch.

Chẳng hạn, trong những năm 1980, sự thù địch Việt-Trung và liên minh của Việt Nam với Liên Xô, một đối thủ của Trung Quốc, đã khiến Hà Nội ít có khả năng áp đặt những cái giá chiến

lược lên Bắc Kinh. Vì thế, những nỗ lực trong giai đoạn cuối Chiến tranh Lạnh của Trung Quốc nhằm mở rộng ở Biển Đông đã được tập trung nhằm vào Hà Nội, rõ ràng nhất là trong quyết định chiếm giữ sáu thực thể dọc theo rìa phía tây của Quần đảo Trường Sa, nhiều trong số đó nằm ngay sát các tiền đồn hiện có của Việt Nam. Hơn nữa, Bắc Kinh đã sẵn sàng mạo hiểm xung đột vũ trang với Hà Nội vào năm 1988 vì họ tin rằng, giống như Moscow đã kiềm chế không can thiệp trong chiến tranh biên giới Việt-Trung năm 1979, họ sẽ không can thiệp thay mặt Hà Nội trong một cuộc xung đột ở Biển Đông.

Điều kiện đương đại

Ngày nay, tình hình đã khác, nhưng logic vẫn thế. Chừng nào xung đột còn ở trong vùng xám – và Mỹ không can thiệp quân sự – thì Philippines vẫn có ít khả năng hơn Việt Nam trong việc áp đặt cái giá phải trả chiến lược lên Trung Quốc. Bắc Kinh sẽ chịu ít tổn thất hơn khi leo thang với Manila nên có thể hành động hung hăng hơn; còn leo thang với Hà Nội sẽ khiến họ mất nhiều hơn nên phải kiềm chế.

Philippines đã khiến Trung Quốc phải trả giá đắt hơn bất kỳ đối thủ nào khác. Manila gần đây đã hộ tống các nhà báo đến Bãi Cỏ Mây để quan sát và công khai các hành vi cưỡng bức của Trung Quốc, điều mà Philippines thỉnh thoảng vẫn làm từ giữa những năm 1990. Ngay cả trong nhiệm kỳ của cựu Tổng thống Rodrigo Duterte, người thường phục tùng Bắc Kinh, thì chính quyền của ông vẫn thường xuyên công khai và lên án các hành động của Trung Quốc ở Biển Đông, góp phần tạo ra một chính sách đối ngoại kiểu ‘tâm thần phân liệt’ không thể ngăn chặn Trung Quốc một cách có ý nghĩa. Ngược lại, Việt Nam thận trọng hơn và do đó có khả năng lớn hơn để áp đặt những cái giá như vậy lên Bắc Kinh trong tương lai.

Quan trọng hơn, vì Manila đã là đồng minh thân cận của Mỹ nên nước này thiếu khả năng áp đặt một cái giá cân bằng có ý nghĩa. Họ có thể thắt chặt liên minh hơn nữa, nhưng cái giá không đáng kể này là cái giá mà Bắc Kinh luôn sẵn sàng gánh chịu. Tuy nhiên, tình trạng không liên kết của Việt Nam mang lại cho nước này khả năng hình thành một liên minh chính thức hoặc không chính thức với Mỹ – nghĩa là khả năng áp đặt một cái giá phải trả chiến lược lớn hơn lên Bắc Kinh, từ đó gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường an ninh của nước này. Hơn nữa, Việt Nam là một nước láng giềng lục địa có chung đường biên giới đất liền dài 1.350 km với Trung Quốc và sở hữu một trong những quân đội đáng gờm nhất ở Đông Nam Á. Việc nước này tham gia vào liên minh do Mỹ dẫn đầu sẽ gây tổn hại nghiêm trọng đến lợi ích của Trung Quốc trong khía cạnh duy ổn. Ngược lại, Philippines nằm ở bên kia biển, sở hữu quân đội yếu và đã (theo quan điểm của Trung Quốc) là một thành viên của liên minh chống Trung Quốc do Mỹ dẫn đầu.

Sự chênh lệch về rủi ro chiến lược mà Việt Nam và Philippines đặt ra đặc biệt rõ ràng trong cách mà Bắc Kinh thách thức nỗ lực củng cố và mở rộng các tiền đồn của hai nước này. Bắc Kinh có lý do chính đáng để tin rằng sự leo thang xung quanh Bãi Cỏ Mây có thể được kiểm soát – và có thể ngăn Mỹ can dự – bởi vì họ đã thành công làm vậy kể từ năm 2013. Họ cũng đã quấy rối nhiều tàu Philippines xung quanh các tiền đồn khác ở Biển Đông mà không hề phải

trả giá. Mặt khác, nếu Bắc Kinh cố gắng ngăn chặn việc cải tạo đất của Việt Nam, Hà Nội có thể sẽ xem nỗ lực đó là gây nguy hiểm cho việc nắm giữ thực thể của họ, vốn là ‘mỏ neo’ cho các tuyên bố chủ quyền ở Biển Đông, và khả năng xảy ra phản kháng và leo thang của Việt Nam sẽ cao hơn. Chính là trong những điều kiện này mà Hà Nội sẽ áp đặt lên Trung Quốc những cái giá chiến lược đắt nhất mà nước này có thể phải trả.

Hàm ý

Phân tích này có một số hàm ý quan trọng trong việc ngăn chặn thái độ hung hăng của Trung Quốc ở Biển Đông và hơn thế nữa, có liên quan đến cả Mỹ và các bên đang tranh chấp với Bắc Kinh. Thứ nhất, để tăng cường khả năng răn đe cho Philippines tại Bãi Cỏ Mây và những nơi khác ở Biển Đông, Manila và Washington cần làm suy yếu niềm tin của Trung Quốc rằng nước này có thể thoải mái ở lại vùng xám. Nếu không có nguy cơ leo thang xung đột và sự can thiệp của Mỹ, Trung Quốc sẽ tin rằng nước này có thể tấn công Philippines và gây áp lực lên các hoạt động chiếm đóng lãnh thổ của Philippines với cái giá chiến lược tối thiểu. Sự hiện diện quân sự lớn hơn của Mỹ xung quanh Bãi Cỏ Mây, bao gồm cả việc hỗ trợ tiếp tế cho BRP Sierra Madre, có thể sẽ làm suy yếu niềm tin của Trung Quốc về vấn đề này.

Thứ hai, đối với các đối thủ Đông Nam Á của Trung Quốc, phân tích này cho thấy rằng những cái giá tiềm ẩn đáng tin cậy thường là những biện pháp răn đe hiệu quả hơn những cái giá áp đặt trong thực tế. Suốt nhiều năm qua, các nhà phân tích Mỹ đã lập luận rằng các quốc gia ASEAN phải buộc Bắc Kinh trả giá để chống lại và răn đe hành vi gây hấn của nước này ở Biển Đông. Tuy nhiên, phân tích này cho thấy rằng khi áp đặt nhiều cái giá hơn, Bắc Kinh thực chất lại chịu tổn thất ít hơn nếu leo thang căng thẳng. Manila và các bên tranh chấp ở Đông Nam Á cần thận trọng trong việc buộc Bắc Kinh phải trả giá. Ví dụ, việc áp dụng cái giá về danh tiếng có thể có hiệu quả trong việc giúp củng cố độ tin cậy của các mối đe dọa nghiêm trọng hơn, nhưng bản thân những cái giá đó không mang lại nhiều lợi ích và có thể phản tác dụng. Các quốc gia Đông Nam Á cần nâng cao khả năng áp đặt cái giá của mình và chú trọng hơn vào việc tối đa hóa khả năng tiềm ẩn để làm được điều đó.

Thứ ba, sự khác biệt giữa cái giá tiềm ẩn và cái giá thực tế sẽ giúp định hình những nỗ lực xây dựng quan hệ đối tác của Mỹ ở Đông Nam Á, vốn là một ưu tiên trong Chiến lược An ninh Quốc gia của Mỹ. Việc tăng cường các đối tác an ninh khu vực thường được xem là một điều tốt không thể phủ nhận, trong đó nhiều hơn là tốt hơn, nhưng phân tích này đã mang lại một bức tranh đa sắc thái hơn. Việc thắt chặt các quan hệ đối tác quá sâu và quá nhanh có thể làm suy yếu khả năng răn đe bằng cách giảm bớt những cái giá mà các quốc gia Đông Nam Á có thể đe dọa áp đặt lên Trung Quốc sau này. Các quốc gia Đông Nam Á – và sự ổn định trong khu vực – sẽ hưởng lợi nhiều nhất bằng cách tăng cường quan hệ đối tác an ninh một cách từ từ và từng bước.

Thứ tư, dù các quốc gia vừa và nhỏ tìm kiếm liên minh với các cường quốc để tăng cường an ninh và ngăn chặn sự xâm lược của nước ngoài, nhưng ở mức độ leo thang thấp, chúng có thể gây tác dụng ngược. Liên minh của Philippines với Mỹ đã làm suy yếu khả năng ngăn chặn các

hành vi cưỡng bức và bành trướng lãnh thổ của Trung Quốc, trong khi vị thế không liên kết của Việt Nam cho phép nước này áp đặt đầy đủ những cái giá chiến lược lên Bắc Kinh. Trong một thế giới ngày càng được đặc trưng bởi cạnh tranh vùng xám, các nhà hoạch định chính sách và lập kế hoạch cần xây dựng những cách thức sáng tạo để tăng cường rắn đe ở mức độ leo thang thấp mà không cần phải áp đặt cái giá theo phản xạ. Trong khi đó, các học giả cần phải giải quyết vấn đề bất thường thực nghiệm này, vốn thách thức những hiểu biết thông thường về quan hệ giữa việc hình thành liên minh và khả năng rắn đe.

Cuối cùng, căng thẳng giữa duy ổn và duy quyền có thể có tác động vượt ra ngoài Biển Đông và bao hàm cả các tranh chấp lãnh thổ khác của Trung Quốc. Tình thế lưỡng nan này đã làm sáng tỏ cách Bắc Kinh nghĩ về việc theo đuổi tham vọng lãnh thổ theo chủ nghĩa xét lại của họ, bao gồm những gì tạo điều kiện và những gì cản trở việc theo đuổi mục tiêu. Các nhà phân tích chiến lược tranh chấp lãnh thổ của Trung Quốc – và rộng hơn là chính sách đối ngoại của nước này – sẽ có thể hiểu đối tượng của mình cách tốt nhất khi họ tiếp cận nó bằng cách sử dụng cùng các khái niệm như chính các nhà lãnh đạo Trung Quốc.

Andrew Taffer là nghiên cứu viên tại Trung tâm Nghiên cứu Các vấn đề quân sự Trung Quốc tại Đại học Quốc phòng Mỹ. Ông đang hoàn thành bản thảo cuốn sách về sự phát triển trong chiến lược của Trung Quốc ở Biển Đông kể từ năm 1979. Bài viết này chỉ thể hiện quan điểm của ông chứ không phải quan điểm của Đại học Quốc phòng, Bộ Quốc phòng, hay chính phủ Mỹ.

<https://nghiencuuquocte.org/2024/08/08/tai-sao-trung-quoc-phan-ung-khac-biet-voi-philippines-va-viet-nam-o-bien-dong/#more-57722>